**ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN**

**LUẬT CĂN CƯỚC SỐ 27/2023/QH15**

Luật Căn cước số 26/2023/QH15 được Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 27/11/2023, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024. Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu biên soạn đề cương tuyên truyền phổ biến Luật căn cước số 27/2023/QH 15 với các nội dung sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT**

**1. Cơ sở chính trị và pháp lý**

[Luật Căn cước công dân năm 2014](https://trangtinphapluat.com/blog/bai-viet-hay/quan-ly-hanh-chinh/tong-hop-cac-kho-khan-vuong-mac-cua-luat-can-cuoc-cong-dan/) được Quốc hội khóa XIII thông qua đã đánh dấu bước tiến quan trọng trong công tác lập pháp của Nhà nước ta, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, giao dịch của nhân dân, phục vụ yêu cầu nghiệp vụ Công an, góp phần phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và các hành vi vi phạm trật tự, an toàn xã hội. Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ thống sản xuất, cấp quản lý căn cước công dân được xây dựng, hoàn thiện, đưa vào vận hành, khai thác, sử dụng đã tạo sự đổi mới căn bản về tổ chức hoạt động, quản lý nhà nước về dân cư theo hướng hiện đại, bỏ sổ hộ khẩu giấy, xác lập danh tính điện tử của công dân thông qua mã số định danh cá nhân, phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội, người dân có thể thực hiện các giao dịch, các thủ tục hành chính ở bất cư nơi nào, không phụ thuộc vào địa giới hành chính, góp phần kiến tạo Chính phủ liêm chính, hành động, phát triển phục vụ nhân dân, đóng góp tích cực vào tiến trình xây dựng Việt Nam trở thành quốc gia số trong tương lai không xa.

Tiếp tục trong thời gian vừa qua, Đảng, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản để đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế như:

- Nghị quyết số 36/NQ-TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế đề ra giải pháp: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quốc phòng, an ninh;

- Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đề ra mục tiêu đến năm 2030 toàn bộ dân số Việt Nam được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất trên quy mô toàn quốc;

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đã xác định: “Xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia. Hình thành hệ thống trung tâm dữ liệu quốc gia, các trung tâm dữ liệu vùng và địa phương kết nối đồng bộ và thống nhất”.

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định ưu tiên nguồn lực và có cơ chế, chính sách khuyến khích đủ mạnh để phát triển những lĩnh vực ưu tiên; trong đó có phát triển công nghệ số (ưu tiên phát triển trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, điện toán đám mây, internet kết nối vạn vật, thiết bị điện tử – viễn thông, thiết kế và sản xuất chíp bán dẫn).

- Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 22/6/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới đề ra nhiệm vụ: Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, nhất là quản lý xuất, nhập cảnh, quản lý cư trú…;

- Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội 05 năm (2011-2015) và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội 05 năm (2015-2020) trình [Đại hội đại biểu Toàn quốc](http://decuongtuyentruyen.com/tu-lieu/bo-cau-hoi-trac-nghiem-tim-hieu-van-kien-dai-hoi-13-cua-dang/) lần thứ 12 của Đảng nêu rõ: Có cơ chế đặc thù để triển khai những dự án khoa học, công nghệ phục vụ phát triển kinh tế – xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh;

- [Văn kiện Đại hội Đảng khóa XIII, Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội 10 năm](http://decuongtuyentruyen.com/tu-lieu/bo-cau-hoi-trac-nghiem-tim-hieu-van-kien-dai-hoi-13-cua-dang/) 2021 – 2030 xác định nhiệm vụ là:

(1) Phát triển mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chính của tăng trưởng kinh tế. Thực hiện chuyển đổi số trong quản trị quốc gia, quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh, tổ chức xã hội và quản lý tài nguyên quốc gia;

(2) Đẩy mạnh xây dựng chính phủ điện tử, tiến tới chính phủ số, trong đó tập trung phát triển hạ tầng số phục vụ các cơ quan nhà nước một cách tập trung, thông suốt; thiết kế đồng bộ, xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống tích hợp, kết nối liên thông các cơ sở dữ liệu lớn, nhất là dữ liệu về dân cư, y tế, giáo dục, bảo hiểm, doanh nghiệp, đất đai, nhà ở, phục vụ kịp thời, hiệu quả cho phát triển kinh tế – xã hội và đời sống nhân dân. Thực hiện chuyển đổi số quốc gia một cách toàn diện để phát triển kinh tế số, xây dựng xã hội số. Phấn đấu đến năm 2030, hoàn thành xây dựng chính phủ số, đứng trong nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới và xếp thứ ba trong khu vực ASEAN về chính phủ điện tử, kinh tế số;

(3) Hoàn thành xây dựng và vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bảo đảm 100% dân số được đăng ký và quản lý.

- Nghị quyết số 112/NQ-CP ngày 30/10/2017 của Chính phủ về phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công an đã xác định rõ mục tiêu phải thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan tới công tác đăng ký, quản lý cư trú, căn cước công dân.

Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 14 [Hiến pháp](https://youtu.be/ur4NAmjDQf0) quy định quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật; Điều 48 Hiến pháp quy định người nước ngoài cư trú ở Việt Nam phải tuân theo Hiến pháp và pháp luật Việt Nam; được bảo hộ tính mạng, tài sản và các quyền, lợi ích chính đáng theo pháp luật Việt Nam; khoản 1 Điều 62 [Hiến pháp](http://decuongtuyentruyen.com/bai-giang/trac-nghiem-tim-hieu-hien-phap-nam-2013/) quy định phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế – xã hội của đất nước. Do vậy, việc đổi mới công tác quản lý dân cư, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao hiệu quả, giá trị sử dụng của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thẻ căn cước công dân vào công tác quản lý nhà nước, phát triển kinh tế – xã hội là yêu cầu cấp thiết, cần được ưu tiên đầu tư, phát triển.

**2. Cơ sở thực tiễn**

Bộ Công an đã tiến hành cấp hơn 98 triệu số định danh cá nhân cho công dân trên toàn quốc đang có trên hệ thống; đây là cơ sở quan trọng để xác lập danh tính điện tử của công dân, góp phần thực hiện chuyển đổi số quốc gia; tiến hành cấp được gần 80 triệu thẻ căn cước công dân cho người đủ điều kiện cấp thẻ.

Việc kết nối, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ nhiều hoạt động như: Kết nối với cổng dịch vụ công quốc gia, Văn phòng Chính phủ để xác thực số định danh cá nhân, Căn cước công dân, xác thực thông tin chủ hộ, tra cứu thông tin công dân; kết nối với Bảo hiểm xã hội Việt Nam để xác thực thông tin công dân; kết nối với Bộ Tư pháp để thực hiện cấp, hủy số định danh cá nhân cho trẻ em khai sinh; kết nối với Bộ Y tế để phục vụ rà soát thông tin tiêm chủng của công dân, phòng chống dịch Covid – 19; kết nối, xác thực với Tập đoàn điện lực Việt Nam phục vụ nghiệp vụ ngành điện; kết nối, xác thực với Ban cơ yếu Chính phủ phục vụ rà soát thông tin cán bộ Cơ yếu; kết nối với Tổng cục thuế, Bộ Tài chính để xác thực thông tin công dân, xác thực thông tin chủ hộ, tra cứu thông tin công dân phục vụ làm sạch dữ liệu ngành thuế, nghiệp vụ ngành thuế; thử nghiệm thành công dịch vụ xác thực thông tin công dân tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân thông qua trục tích hợp quốc gia của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Bên cạnh các kết quả tích cực, trong quá trình triển khai thi hành Luật Căn cước công dân năm 2014 đã xuất hiện một số tồn tại và các vấn đề phát sinh cần phải được xem xét để sửa đổi, bổ sung, cụ thể như sau:

Một là, hiện nay, công dân có nhiều loại giấy tờ tùy thân khác nhau như thẻ Căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế, sổ bảo hiểm xã hội, giấy khai sinh, giấy phép lái xe, thẻ học sinh, sinh viên, thẻ hội viên, thẻ hành nghề… Việc có quá nhiều loại giấy tờ khác nhau được cơ quan có thẩm quyền cấp cho công dân gây ra khó khăn nhất định cho công dân trong lưu trữ, sử dụng, nhất là trong việc thực hiện các thủ tục hành chính, sử dụng các tiện ích, dịch vụ công; không phù hợp với xu hướng chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nhà nước, hoạt động xã hội đang ngày càng phát triển ở nước ta. Trong khi đó, Luật Căn cước công dân không có các quy định về việc khai thác, sử dụng thông tin trên thẻ căn cước công dân (bao gồm thông tin về căn cước công dân và các thông tin trên giấy tờ khác của công dân được tích hợp vào thẻ căn cước công dân qua chíp điện tử và mã QR code) nên việc phát triển các ứng dụng, dịch vụ tiện ích của thẻ căn cước công dân vào giao dịch dân sự, thực hiện chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính còn gặp nhiều khó khăn, thiếu đồng bộ, thống nhất; nhiều cơ quan, tổ chức chưa tham gia triển khai vì đây không phải là nội dung được quy định trong luật.

Hai là, theo quy định tại Điều 9, Điều 15 Luật Căn cước công dân (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 37 Luật Cư trú năm 2020) thì thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân chỉ bao gồm một số nhóm thông tin; tuy nhiên, qua triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 (Đề án số 06), việc mở rộng, tích hợp thêm nhiều thông tin khác của công dân trong các cơ sở dữ liệu chuyên ngành vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân là rất cần thiết; trực tiếp phục vụ cho việc ứng dụng tiện ích của thẻ căn cước công dân, tài khoản định danh điện tử, kết nối, chia sẻ, chứng thực dữ liệu công dân, phân tích, thiết lập bản đồ số dân cư. Do vậy, việc giới hạn các thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân theo quy định của Luật Căn cước công dân nêu trên sẽ gây khó khăn trong thực hiện Đề án số 06, thực hiện chuyển đổi số quốc gia.

Ba là, Luật Căn cước công dân không quy định về cấp số định danh cá nhân cho trường hợp người gốc Việt Nam đang sinh sống ở Việt Nam nhưng chưa xác định được quốc tịch. Do nhiều yếu tố liên quan đến lịch sử, chiến tranh nên thực tế hiện nay còn rất nhiều trường hợp nêu trên cần phải có chính sách, quy định pháp luật để giải quyết, quản lý chặt chẽ những người này; bảo đảm cơ chế để họ có thể tham gia vào các giao dịch dân sự, dịch vụ công, nhất là các dịch vụ thiết yếu bảo đảm cuộc sống. Luật Căn cước công dân chưa có quy định về việc hủy, xác lập lại số định danh cá nhân đối với trường hợp công dân có quyết định thôi quốc tịch, công dân được nhập trở lại quốc tịch Việt Nam… Luật Căn cước công dân chưa có quy định về cấp lại thẻ căn cước công dân theo hồ sơ đề nghị cấp thẻ gần nhất trên hệ thống cấp Căn cước công dân nên có trường hợp công dân vừa được cấp thẻ căn cước công dân nhưng bị thất lạc, hư hỏng… đều phải trực tiếp đến cơ quan Công an để thực hiện cấp lại thẻ căn cước công dân khác.

Bốn là, Luật Căn cước công dân là [văn bản quy phạm pháp luật](http://decuongtuyentruyen.com/de-cuong-luat/luat-ban-hanh-van-ban-quy-pham-phap-luat-nam-2020/) quan trọng, quy định việc chuyển đổi từ cấp, sử dụng Chứng minh nhân dân sang cấp, sử dụng bằng thẻ căn cước công dân; tuy nhiên, nhiều cơ quan, tổ chức đã yêu cầu công dân bắt buộc phải thực hiện các thủ tục để cập nhật, điều chỉnh lại thông tin trên giấy tờ, tài liệu đã cấp trước đây cho công dân (có thông tin về Chứng minh nhân dân) bằng thông tin về thẻ căn cước công dân (như trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, bảo hiểm, tài chính, ngân hàng…) gây khó khăn, phiền hà cho công dân. Do vậy, cần bổ sung vào Luật Căn cước công dân quy định chuyển tiếp để bảo đảm việc sử dụng, thay thế từ Chứng minh nhân dân sang thẻ căn cước công dân của công dân được thuận lợi hơn; hạn chế phát sinh các thủ tục khác đối với công dân.

Hiện nay, các quy định của Luật Căn cước công dân về việc quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân còn chưa được đầy đủ, bao quát. Luật Căn cước công dân mới chỉ tập trung vào việc quản lý công dân qua Cơ sở dữ liệu căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, qua thẻ căn cước công dân mà chưa có quy định về tài khoản định danh điện tử đối với tổ chức, cá nhân trên môi trường điện tử. Quy định pháp luật về các vấn đề trên chủ yếu được quy định ở các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành luật, văn bản dưới luật (như Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân, Nghi định số 37/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 137/2015/NĐ-CP, Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 quy định về định danh và xác thực điện tử…); trong khi đó, đây là vấn đề lớn, tác động rộng rãi đến nhiều chủ thể khác nhau bao gồm các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội, các tổ chức, doanh nghiệp được giao thực hiện một số dịch vụ công và tổ chức, cá nhân khác nên cần được luật hóa để bảo đảm đúng tinh thần của Hiến pháp là các quy định liên quan đến quyền con người, quyền công dân cần phải ban hành dưới hình thức luật (khoản 2 Điều 14 Hiến pháp), bảo đảm, bảo vệ được quyền, lợi ích chính đáng của tổ chức, cá nhân.

Đề án số 06 cũng đã xác định các nhiệm vụ chính liên quan đến ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phát huy giá trị, tiện ích thẻ căn cước công dân gồm:

(1) Hoàn thành tích hợp, cung cấp dịch vụ xác thực thông tin về số Chứng minh nhân dân (9 số) với Căn cước công dân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để 100% tài khoản định danh điện tử của cá nhân đã được tạo lập bởi Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh thực hiện được việc xác thực với danh tính điện tử do Bộ Công an cung cấp.

(2) Bảo đảm từng bước thay thế các giấy tờ cá nhân trên cơ sở tích hợp, xác thực các thông tin, giấy tờ cá nhân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để chỉ cần sử dụng thẻ căn cước công dân, ứng dụng định danh điện tử quốc gia (VNeID), trong đó, tập trung thực hiện ngay đối với một số giấy tờ như: Bảo hiểm y tế, giấy phép lái xe, mã số chứng chỉ hoặc giấy phép hành nghề, tiêm chủng, giáo dục, thẻ cán bộ, công chức, viên chức…

(3) Nghiên cứu, triển khai thí điểm việc ứng dụng các tính năng, tiện ích có sẵn của chíp điện tử trên thẻ căn cước công dân đối với các lĩnh vực tài chính, hoạt động ngân hàng và một số lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội khác.

(4) Triển khai rộng rãi việc ứng dụng các tính năng, tiện ích của chíp điện tử trên thẻ căn cước công dân đối với các lĩnh vực tài chính, hoạt động ngân hàng (mở tài khoản, nhận biết khách hàng, thanh toán, cho vay, ví điện tử…) và một số lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội khác.

(5) Triển khai ứng dụng các tính năng của chíp điện tử gắn trên thẻ căn cước công dân và ứng dụng VNeID trong các lĩnh vực của đời sống, xã hội nhất là các lĩnh vực chuyển đổi số mạnh nhất như: Ngân hàng (mở tài khoản, nhận biết khách hàng, thanh toán, cho vay, ví điện tử…), tài chính, viễn thông, điện, nước.

(6) Đánh giá rà soát các văn bản pháp luật để triển khai thực hiện tích hợp thông tin các giấy tờ cá nhân vào thẻ căn cước công dân gắn chíp.

Bên cạnh đó, Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển dữ liệu số quốc gia tạo nền tảng cho triển khai Chính phủ số, bảo đảm cung cấp, chia sẻ dữ liệu chất lượng thông suốt giữa các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật để hỗ trợ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số đã xác định nhiệm vụ nâng cao việc ứng dụng cơ sở dữ liệu, phát huy giá trị của thẻ căn cước công dân vào các hoạt động quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế và khu vực, đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia theo Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030.

Do vậy, để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thi hành Luật Căn cước công dân năm 2014 và đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xác định cụ thể nêu trên, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Luật Căn cước công dân năm 2014 để tạo cơ sở pháp lý triển khai thực hiện, tạo bước đột phá về chuyển đổi số ở nước ta.

**II. NHỮNG NỘI DUNG MỚI CỦA LUẬT CĂN CƯỚC 2023**

Công tác quản lý dân cư là một nội dung cơ bản trong hoạt động quản lý nhà nước của tất cả các quốc gia trên thế giới. Công tác này có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội; bảo đảm quyền con người, quyền công dân; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội và thực hiện chính sách an sinh xã hội. Tuy nhiên, căn cứ vào trình độ phát triển, yêu cầu quản lý, phong tục, tập quán mà mỗi nhà nước sẽ có cách thức quản lý dân cư phù hợp. Hiện nay, với tốc độ phát triển công nghệ thông tin ngày càng mạnh mẽ, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý dân cư là xu hướng tất yếu. Ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng việc đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ để phục vụ hiệu quả công tác quản lý dân cư, đảm bảo cuộc sống cho người dân và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 của Đại hội Đảng khóa XIII xác định: *“Đẩy mạnh xây dựng chính phủ điện tử, tiến tới chính phủ số, trong đó tập trung phát triển hạ tầng số phục vụ các cơ quan nhà nước một cách tập trung, thông suốt; thiết kế đồng bộ, xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống tích hợp, kết nối liên thông các cơ sở dữ liệu lớn, nhất là dữ liệu về dân cư, y tế, giáo dục, bảo hiểm, doanh nghiệp, đất đai, nhà ở, phục vụ kịp thời, hiệu quả cho phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân. Thực hiện chuyển đổi số quốc gia một cách toàn diện để phát triển kinh tế số, xây dựng xã hội số. Phấn đấu đến năm 2030, hoàn thành xây dựng chính phủ số, đứng trong nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới và xếp thứ ba trong khu vực ASEAN về chính phủ điện tử, kinh tế số”[1].*

Để phù hợp với sự phát triển của xã hội và thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, xây dựng Chính phủ số, xã hội số, tại Kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV, ngày 27/11/2023, Quốc hội đã thông qua Luật Căn cước. Đạo luật này gồm có 07 chương 46 điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024. Luật Căn cước (sau đây gọi là Luật năm 2023) là bước đột phá trong việc đổi mới quản lý dân cư, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, nâng cao hiệu quả, giá trị sử dụng của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư vào công tác quản lý nhà nước.

So với Luật Căn cước công dân năm 2014, Luật năm 2023 có những nội dung mới cơ bản như sau:

**1. Luật năm 2023 đổi tên****“thẻ****Căn cước công dân”** **thành “thẻ căn cước”**  
        Trong Luật Căn cước công dân năm 2014 gọi là “Thẻ Căn cước công dân”. Cách gọi như vậy một mặt cho thấy việc quản lý căn cước chỉ đặt ra đối với công dân Việt Nam nên không đáp ứng được yêu cầu quản lý căn cước đối với toàn bộ người dân sinh sống tại Việt Nam để bảo đảm các quyền con người, quyền công dân theo quy định của pháp luật; mặt khác, tên gọi đó chưa bảo đảm tương đồng thông lệ chung của thế giới nên có thể không sử dụng được thẻ khi hội nhập quốc tế. Luật năm 2023 đã đổi tên thành “thẻ căn cước”. Tại khoản 1 và khoản 11 Điều 3 Luật năm 2023 định nghĩa như sau:

*“1. Căn cước là thông tin cơ bản về nhân thân, lai lịch, nhân dạng và sinh trắc học của một người.*

*1.1. Thẻ căn cước là giấy tờ tùy thân chứa đựng căn cước và thông tin khác đã được tích hợp vào thẻ căn cước của công dân Việt Nam, do cơ quan quản lý căn cước cấp theo quy định của Luật này”*

Việc đổi tên thành “thẻ căn cước” là để phù hợp với phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và nội dung của Luật, giúp công tác quản lý dân cư khoa học hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả người dân Việt Nam khi tham gia các hoạt động xã hội, giao dịch về hành chính, dân sự và bảo đảm tương đồng với thông lệ quốc tế.

Luật năm 2023 cũng đã quy định về giá trị sử dụng của thẻ căn cước công dân và chứng minh nhân dân. Đối với thẻ căn cước công dân, khoản 1 Điều 46 Luật năm 2023 nêu rõ*: “1.**Thẻ căn cước công dân đã được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có giá trị sử dụng đến hết thời hạn được in trên thẻ, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Công dân khi có nhu cầu thì được cấp đổi sang thẻ căn cước”.* Theo đó, người dân đang có thẻ Căn cước công dân cấp trước ngày 01/7/2024 không phải đổi sang thẻ căn cước mà được sử dụng cho đến hết thời hạn ghi trong thẻ. Chỉ khi nào thẻ Căn cước công dân hết giá trị sử dụng hoặc người dân có nhu cầu đổi hoặc bị mất, hỏng thì được đổi sang thẻ căn cước.  
Đối với chứng minh nhân dân, theo Điều 38 Luật Căn cước công dân năm 2014: *“2.* *Chứng minh nhân dân đã cấp vẫn được sử dụng cho đến hết thời hạn 15 năm hoặc khi công dân yêu cầu đổi sang thẻ Căn cước công dân”.* Tuy nhiên, theo khoản 2 Điều 46 Luật năm 2023 quy định: “*2. Chứng minh nhân dân còn hạn sử dụng đến sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 thì có giá trị sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024”.*Đây là điểm mới của Luật năm 2023 so với khoản 2 Điều 38 Luật Căn cước công dân năm 2014. Từ 01/01/2025 phải thực hiện việc đổi chứng minh nhân dân sang thẻ căn cước dù còn hạn sử dụng hay đã hết hạn sử dụng.

Điều 46 Luật năm 2023 khẳng định: *“Các loại giấy tờ có giá trị pháp lý đã phát hành có sử dụng thông tin từ chứng minh nhân dân, căn cước công dân được giữ nguyên giá trị sử dụng; cơ quan nhà nước không được yêu cầu công dân thay đổi, điều chỉnh thông tin về chứng minh nhân dân, căn cước công dân trong giấy tờ đã cấp”.*

So với Luật Căn cước công dân năm 2014, Luật năm 2023 bổ sung quy định về căn cước điện tử. Theo Khoản 17 Điều 3 Luật năm 2023 định nghĩa: *“17. Căn cước điện tử là căn cước của công dân Việt Nam được thể hiện thông qua tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập”.* Khoản 1 Điều 31 Luật năm 2023 nêu rõ, từ 01/7/2024, *“1. Mỗi công dân Việt Nam được cấp 01 căn cước điện tử”.* Căn cước điện tử có giá trị sử dụng tương đương như việc sử dụng thẻ căn cước trong thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình thẻ căn cước; có giá trị cung cấp thông tin trong các loại giấy tờ, tài liệu đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình giấy tờ đó. Căn cước điện tử sẽ giúp cho công dân không cần mang theo thẻ căn cước in khi thực hiện các giao dịch điện tử, mà chỉ cần sử dụng thiết bị di động hoặc thiết bị khác có khả năng kết nối internet. Quy định này đáp ứng yêu cầu quản lý căn cước phù hợp với xu hướng phát triển của thế giới số, tạo điều kiện cho công dân tham gia vào các giao dịch điện tử thuận tiện và an toàn. Sau khi đã có căn cước điện tử, công dân có thể thực hiện tích hợp thông tin vào thẻ căn cước thông qua việc cấp, cấp đổi, cấp mới lại thẻ căn cước hoặc ứng dụng định danh điện tử công dân.  
        **2. Luật năm 2023 mở rộng đối tượng áp dụng**

So với Luật Căn cước công dân năm 2014, ngoài áp dụng đối với công dân Việt Nam, Luật năm 2023 còn áp dụng đối với người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan*.*Theo khoản 4 Điều 3 Luật năm 2023:*“4. Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam (sau đây gọi là người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch) là người đang sinh sống tại Việt Nam, không có giấy tờ, tài liệu chứng minh có quốc tịch Việt Nam và nước khác nhưng có cùng dòng máu về trực hệ với người đã từng có quốc tịch Việt Nam được xác định theo nguyên tắc huyết thống”.* Người gốc Việt Nam là một bộ phận không nhỏ, không tách rời của dân tộc ta và cần được Nhà nước, xã hội thừa nhận, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của họ. Hiện nay về mặt pháp lý cũng như thực tiễn chưa có đầy đủ các thông tin để quản lý chặt chẽ và bảo đảm đầy đủ địa vị pháp lý cho họ, vì vậy, việc quản lý đối với họ gặp rất nhiều khó khăn, nhất là trong vấn đề bảo đảm an ninh, trật tự khi họ vi phạm pháp luật, đồng thời đây cũng là cơ hội cho một số tổ chức, cá nhân cố tình lợi dụng vấn đề về nhân quyền để gây rối, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, Luật năm 2023 quy định cấp giấy chứng nhận căn cước cho người gốc Việt Nam đang sinh sống tại Việt Nam. Khoản 12 Điều 3 Luật năm 2023 giải thích: *“12. Giấy chứng nhận căn cước là giấy tờ tùy thân chứa đựng căn cước của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch, do cơ quan quản lý căn cước cấp theo quy định của Luật này”.*Với quy định này để bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng của những người gốc Việt Nam đang sinh sống tại Việt Nam nhưng chưa xác định được quốc tịch và thuận lợi trong quản lý đối với bộ phận này, nhất là trong vấn đề bảo đảm an ninh, trật tự.  
        Như vậy, Luật năm 2023 cũng đã quy định phân biệt việc cấp thẻ căn cước cho công dân Việt Nam và cấp giấy chứng nhận căn cước cho những người chưa có đầy đủ các quyền như công dân Việt Nam.

**3. Luật****năm 2023 bổ sung người được cấp thẻ căn cước**

Luật Căn cước công dân năm 2014 chỉ cấp thẻ Căn cước công dân cho công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên. Theo khoản 3 Điều 19, từ 01/7/2024, Luật năm 2023 bổ sung người được cấp thẻ căn cước *“3. Công dân Việt Nam dưới 14 tuổi được cấp thẻ căn cước theo nhu cầu”.*Việc cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi sẽ thực hiện theo nhu cầu, còn đối với người từ đủ 14 tuổi trở lên là bắt buộc. Quy định này để bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng của người dân; phát huy giá trị, tiện ích của thẻ căn cước trong hoạt động của Chính phủ số, xã hội số. Thẻ căn cước với kích thước nhỏ gọn, tính bảo mật thông tin cao và còn có thể được tích hợp thêm rất nhiều thông tin khác theo nhu cầu của công dân sẽ mang lại nhiều tiện ích cho công dân trong việc đi lại, học tập, khám chữa bệnh và thực hiện các giao dịch khác trong đời sống hàng ngày.

**4. Luật năm 2023 đã điều chỉnh một số nội dung thể hiện trên thẻ căn cước**  
        Điều 18 Luật năm 2023 quy định nội dung thể hiện trên thẻ căn cước. Theo đó, thẻ căn cước có thông tin được in trên thẻ và bộ phận lưu trữ thông tin được mã hóa. Thông tin được in trên thẻ căn cước bao gồm 13 thông tin. So với Luật Căn cước công dân năm 2014, Luật năm 2023 đã có một số điều chỉnh:  
       *- Bỏ thông tin quê quán trên thẻ căn cước*

Thông tin quê quán của công dân sẽ được tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Bỏ thông tin quê quán để đảm bảo tính riêng tư, hạn chế việc phải cấp đổi thẻ và vướng mắc trong xác thực thông tin.

*-  Bỏ thông tin vân tay trên bề mặt thẻ căn cước*

Quy định này để bảo đảm tính bảo mật trong quá trình sử dụng thẻ. Trong quá trình làm thủ tục cấp thẻ căn cước công dân, cán bộ công an vẫn thu thập vân tay, đặc điểm nhân dạng của người được cấp thẻ. Thông tin này được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu căn cước để đối chiếu, nhận dạng khi cần.

*- “Nơi thường trú” đổi thành “nơi cư trú”*

Trên thẻ căn cước mới sẽ không còn thông tin nơi thường trú, thay vào đó là thông tin nơi cư trú. Theo Luật Cư trú năm 2020, nơi cư trú của công dân bao gồm nơi thường trú hoặc nơi tạm trú. Trường hợp không xác định được nơi thường trú, nơi tạm trú thì nơi cư trú của công dân là nơi ở hiện tại.

Việc đổi "nơi thường trú" in trên thẻ Căn cước công dân thành "nơi cư trú" in trên thẻ căn cước để phù hợp với thực tiễn vì nhiều người hiện nay không xác định được nơi thường trú mà chỉ có nơi tạm trú, nơi ở hiện tại. Với quy định này, tất cả người dân Việt Nam đều đủ điều kiện để được cấp thẻ căn cước và được bảo đảm quyền lợi khi có được giấy tờ tùy thân để thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự theo nhu cầu.

*- Sửa đổi “số thẻ Căn cước công dân” thành “số định danh cá nhân”*  
        Về thực chất Luật năm 2023 chỉ thay tên gọi, còn số thẻ căn cước là số định danh cá nhân.

*-  Bổ sung “nơi đăng ký khai sinh”*

Nơi đăng ký khai sinh dùng để thay thế thông tin về quê quán. Nơi đăng ký khai sinh là thông tin chính xác với bất kỳ con người nào và có tính ổn định cao. Dựa vào thông tin “nơi đăng ký khai sinh” sẽ thuận lợi hơn cho quá trình thu thập thông tin, tiến hành đối sánh để xác định một công dân nào đó.

*- Bổ sung thông tin mống mắt,**ADN và giọng nói vào Cơ sở dữ liệu căn cước*  
        Thực tiễn khoa học hiện nay đã chứng minh, cùng với vân tay, mống mắt của một người có cấu trúc đường vân phức tạp và duy nhất đối với mỗi người, không thay đổi nhiều theo thời gian. Vì vậy, bên cạnh việc thu thập vân tay, Luật năm 2023 đã bổ sung quy định thu thập mống mắt vào bộ phận lưu trữ căn cước căn cước để phục vụ nhận diện công dân, hỗ trợ trong những trường hợp không thu nhận được vân tay của một người. Đối với thông tin ADN và giọng nói thì được thu thập khi người dân tự nguyện cung cấp hoặc cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, cơ quan quản lý người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong quá trình giải quyết vụ việc theo chức năng, nhiệm vụ có thực hiện trưng cầu giám định hoặc thu thập được thông tin sinh trắc học về ADN, giọng nói của người dân thì chia sẻ cho cơ quan quản lý căn cước để cập nhật, điều chỉnh vào Cơ sở dữ liệu căn cước.

+ Thay “Họ, chữ đệm và tên, chức danh, chữ ký của người cấp thẻ” (hiện là “Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội”) bằng “Nơi cấp: Bộ Công an” để đảm bảo ngắn gọn, thuận tiện.

Việc sửa đổi như trên để tạo thuận lợi hơn cho người dân trong quá trình sử dụng thẻ căn cước, bảo đảm tính riêng tư của người dân; các thông tin căn cước của người dân cơ bản sẽ được lưu trữ, khai thác, sử dụng thông qua chip điện tử trên thẻ căn cước.

**5. Luật năm 2023 rút ngắn thời hạn cấp đổi thẻ căn cước**

Tại Điều 25 Luật Căn cước công dân 2014, thời hạn được chia theo các trường hợp như sau:

*“Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Luật này, cơ quan quản lý căn cước công dân phải cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân cho công dân trong thời hạn sau đây:*

*1. Tại thành phố, thị xã không quá 07 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới và đổi; không quá 15 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại;*  
        *2. Tại các huyện miền núi vùng cao, biên giới, hải đảo không quá 20 ngày làm việc đối với tất cả các trường hợp;*

*3. Tại các khu vực còn lại không quá 15 ngày làm việc đối với tất cả các trường hợp”.*

Theo Điều 26 Luật Căn cước, thời hạn cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước là *“Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định của Luật này, cơ quan quản lý căn cước phải cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước”.*  
        Luật Căn cước thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng về xây dựng Chính phủ số, chính quyền số, xã hội số; là công cụ quan trọng và hữu hiệu để Nhà nước quản lý dân cư theo hướng hiện đại, nắm bắt và kiểm soát mọi vấn đề liên quan đến tình hình dân số, sinh sống, di chuyển của người dân, an ninh, trật tự, an toàn xã hội đồng thời phục vụ tốt nhất nhu cầu của người dân Việt Nam trong thời đại số. Việc triển khai thực hiện các quy định của Luật sẽ giải quyết tốt những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn quản lý nhà nước về dân cư, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước./.